

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y, TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HS-ST
Ngày 18- 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Tiến Hiệt, nguyên là giáo viên;

Ông Nguyễn Ngọc Luân, nguyên là giáo viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HS ngày 27/5/2020 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn L; tên gọi khác: Không; sinh ngày 27/01/2002, tại huyện Q, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản S, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; tiền án, tiền sự: Không; con ông: Lò Văn L và bà Lò Thị P; vợ, con: chưa có. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Lò Văn G; tên gọi khác: Không; sinh ngày 21/10/1998, tại huyện Q, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản S, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; tiền án, tiền sự: Không; con ông: Lò Văn C và bà Điều Thị H; vợ, con: Chưa có. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2019, cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Lò Văn S; tên gọi khác: Không; sinh ngày 27/6/2003, tại huyện Y, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Học sinh; tiền án, tiền sự: Không; con ông: Lò Văn K và bà Hoàng Thị L; vợ, con: Chưa có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2019 đến ngày 02/12/2019 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện, bào chữa cho bị cáo Lò Văn S:* Ông Lò Văn K(bố đẻ của bị cáo Sơn); nơi cư trú: Bản Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người đại diện, bào chữa cho bị cáo Lò Văn L:* Ông Lò Văn L (bố đẻ của bị cáo L); trú tại: Bản S, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 20 phút ngày 23/11/2019 Lò Văn S gọi điện thoại cho Lò Văn L, hỏi Lược mua Methamphetamine, Lược trả lời có. Lò Văn S điều khiển xe máy HONDA Dream, biển kiểm soát 26B1 – 438.50 của gia đình mang theo số tiền 470.000đồng đi từ nhà, đến bến xe buýt thuộc tiểu khu T, xã C gọi điện thoại cho L, L đi ra gần bến xe buýt thuộc tiểu khu T, xã C gặp Lò Văn S. S đưa 470.000đồng cho L. L nhận tiền rồi đưa 06 viên Methamphetamine đã gói cho S. Lò Văn S nhận gói Methamphetamine rồi điều khiển xe máy quay về theo đường cũ, khi về đến bản C, xã Y, huyện Y thì bị Công an huyện Y phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu giữ: 01 gói giấy màu vàng, bên trong có 01 gói giấy màu bạc bên trong có 06 viên nén màu hồng, nghi là Methamphetamine; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu oppo A71, vỏ màu đen, bên trong có sim số 036.4277.502, đã sử dụng; 01 Xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, BKS: 26B1-438.50, số máy: HA08E-1504791, đã sử dụng.

Căn cứ lời khai của Lò Văn S, ngày 23/11/2019 cơ quan điều tra Công an huyện Y đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lò Văn L về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy, đã thu giữ trong túi quần trước bên trái Lò Văn L đang mặc 01 túi nilon màu xanh, bên trong chứa 63 viên nén màu hồng nghi là Methamphetamine.

Ngày 28/11/2019 Cơ quan CSĐT ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lò Văn G về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy.

Ngày 24/11/2019, Cơ quan điều tra tiến hành cân tịnh và xác định khối lượng số ma túy thu giữ của Lò Văn S, Lò Văn L. Dùng cân điện tử cân tách bì toàn bộ 06 viên nén màu hồng trong gói giấy màu bạc, có khối lượng là 0,53g. Tiến hành lấy 03 viên nén màu hồng có khối lượng 0,27g làm mẫu giám định, ký hiệu S1. Dùng cân điện tử cân tách bì toàn bộ 63 viên nén màu hồng trong túi nilon màu xanh, khối lượng là 5,67 g. Tiến hành lấy 05 viên nén màu hồng có khối lượng 0,44g, ký hiệu L1 làm mẫu giám định.

Ngày 26/11/2019 Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số: 1600 kết luận mẫu giám định ký hiệu L1, S1 đều là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là L1 = 0,44 gam; S1 = 0,27 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 6,20 gam; loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra các bị cáo Lò Văn G, Lò Văn L và Lò Văn S khai nhận như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 12/11/2019 khi Lò Văn L, Lò Văn G và T cùng có mặt tại quán game “Hoan Phấn” thuộc tiểu khu 1, xã Cò Nòi, Mai Sơn, Sơn La. Lò Văn L rủ Lò Văn G góp tiền mua Methamphetamine của T để bán kiếm lời, G đồng ý, mỗi người góp mỗi người 500.000 đồng và mua được 15 (Mười lăm) viên Methamphetamine của T. Khoảng 17 giờ cùng ngày, có một nam thanh niên (không biết tên, địa chỉ) điều khiển xe máy đi từ hướng trung tâm xã C đến gặp L (ở ngã ba S, xã C, huyện M) hỏi mua 03 viên Methamphetamine, L đồng ý và bán cho nam thanh niên 03 viên Methamphetamine với số tiền 300.000 đồng, số tiền bán được ma túy Lực cầm và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 16/11/2019 Lò Văn S gọi điện thoại cho L hỏi mua Methamphetamine, L đồng ý và hẹn gặp Lò Văn S tại ngã ba bản S. Sau đó, do có việc riêng nên L đưa cho G 02 gói Methamphetamine, một gói 02 viên, một gói 04 viên rồi bảo G đi gặp để bán cho Lò Văn S. Khoảng 13 giờ ngày 16/11/2019 tại ngã ba S, Lò Văn G gặp và bán cho Lò Văn S 02 viên Methamphetamine với giá 200.000 đồng. Số tiền bán ma túy được G là người giữ để có việc thì G và L cùng chi tiêu.

Sau khi mua được 02 viên Methamphetamine, Lò Văn S hẹn G đến chiều tối sẽ mua thêm 04 viên Methamphetamine nữa, G đồng ý. Sau khi liên lạc với nhau qua điện thoại, đến khoảng 16 giờ ngày 16/11/2019, tại ngã ba bản S, xã C, Lò Văn G gặp và bán cho Lò Văn S 04 viên Methamphetamine với số tiền 400.000 đồng. Số tiền bán ma túy có được G là người giữ, chưa chi dùng vào việc gì. Số ma túy mua được Lò Văn S đã mang về sử dụng bằng hình thức đốt hút hết.

Khoảng 18 giờ ngày 18/11/2019 có một nam thanh niên (L không biết tên, địa chỉ) điều khiển xe máy đến gặp L tại ngã ba bản S và hỏi mua của L 04 viên Methamphetamine, L đồng ý bán cho người đó 04 viên Methamphetamine với giá 400.000 đồng. Còn lại 02 viên Methamphetamine, Lò Văn L đã sử dụng hết bằng hình thức đốt hút. Lò Văn L đưa cho Giang 200.000 đồng và bảo với G tiền L bán Methamphetamine có được. G nhận tiền và cất chung với số tiền 600.000 đồng Giang bán ma túy cho Lò Văn S 02 lần trước trong túi quần rồi đi về nhà.

Khoảng 19 giờ ngày 18/11/2019, tại ngã ba bản S, xã C, huyện M Lò Văn L nói với Lò Văn G đưa cho L 500.000 đồng để L mua methamphetamine về bán tiếp. G đồng ý, rồi lấy 500.000 đồng trong số tiền 800.000 đồng của G và L bán ma túy có được đưa cho L. L cầm tiền, điều khiển xe máy của G đi tìm và gặp T ở ven đường trước cửa quán game “Hoan Phấn” mua được của T 15 viên Methamphetamine. Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 20/11/2019 Lò Văn L đã bán 15 viên Methamphetamine cho Lò Văn S tại ngã ba S, xã C, huyện M với số tiền 1.200.000 đồng, số ma túy mua được S mang về nhà sử dụng hết. Số tiền bán ma túy có được L đưa hết cho Lò Văn G cất giữ và đã chi tiêu hết để ăn, uống, chơi điện tử.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 22/11/2019, Lò Văn G cầm theo số tiền 700.000 đồng đến ngã ba bản S, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La để gặp L. Vì L không có điện thoại nên L lắp thẻ sim của L có số thuê bao 0376.441.649 vào máy điện thoại của G, do máy điện thoại của Lò Văn G sử dụng được 02 sim, trong máy điện thoại có sim số 0961.773.559 của G với mục đích để sử dụng liên lạc với người mua ma

túy. Lò Văn G và L cùng bàn bạc, thống nhất lấy số tiền 300.000 đồng của G đi mua Methamphetamine mang về bán kiếm lời. Lò Văn L cầm máy điện thoại của G hỏi mua 300.000đ Methamphetamine của T. T đợi ở ngã ba bản S, xã C. Khoảng 20 phút sau Thái đi xe máy nhãn hiệu Dream từ hướng C đến, G đi ra gặp T để mua Methamphetamine, còn L ngồi trên xe máy của G. Lò Văn G đưa 300.000đ mua được 10 viên Methamphetamine của T. Đến khoảng 01 giờ ngày 23/11/2019 tại ngã ba bản S, xã C, huyện Mn, Lò Văn G rủ L dùng nốt số tiền 400.000đồng còn lại mua Methamphetamine để bán dần. L nhất trí. Sau đó, G tiếp tục gọi điện thoại cho T với nội dung “Anh cho em bốn trăm nữa”, T đồng ý, khoảng 20 phút sau thì T đi xe máy đến chỗ G và L đứng ở ngã ba S, xã . Lò Văn G đưa 400.000 đồng cho L để L mua Methamphetamine, còn G ngồi ở trên xe máy chờ. Gặp T, L đưa 400.000đồng cho T, T nhận tiền rồi đưa 01 gói giấy bạc bên trong chứa 14 viên Methamphetamine cho L. Sau đó L cầm số Methamphetamine vừa mua được đưa cho G, Lò Văn G gói chung 14 viên vừa mua và 10 viên Methamphetamine mua được trước đó thành 01 gói, tổng là 24 viên Methamphetamine cho vào trong túi quần đang mặc. Sau đó, L và G đi về nhà ngủ.

Khoảng 13 giờ ngày 23/11/2019 khi G và L đang chơi game ở quán “C” thì có số điện thoại 0961.967.889 của T gọi đến số 0961.773.559 của G bảo G mua thêm Methamphetamine nhưng G trả lời không lấy nữa. Khoảng 20 phút, T lại gọi bảo lấy thêm Methamphetamine, thấy vậy Lò Văn L bảo G “Lấy đi”, G nhất trí và bảo T bán cho 1.800.000 đồng, T nhận tiền rồi đưa cho G 01 túi nilon màu xanh bên trong có 45 viên Methamphetamine. G đưa cho L gói Methamphetamine, L cầm và cho 18 viên Methamphetamine còn lại lúc trước với số Methamphetamine mới mua vào trong túi nilon màu xanh, tổng được 63 viên. Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 23/11/2019 khi L đang chơi game thì Công an huyện Y đến thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, thu giữ trong túi quần trước bên trái L đang mặc 01 túi nilon màu xanh, bên trong chứa 63 viên Methamphetamine.

Bản cáo trạng số: 24/CT-VKSYC ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La truy tố bị cáo Lò Văn c, Lò Văn G về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Lò Văn S về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa công khai các bị cáo Lò Văn L, Lò Văn G, Lò Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn G từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn L mức án từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn S mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu tiêu hủy một phong bì thư niêm phong, bên trong có chứa vật chứng gồm: mẫu S = 0,26g; L = 5,23g ; hai phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 mảnh giấy màu vàng; 01 mảnh giấy bạc; 01 túi nilon màu xanh. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước hai chiếc điện thoại, một chiếc của bị cáo Lò Văn S và một chiếc của Lò Văn G. Trả lại cho bị cáo Lò Văn G số vật chứng gồm: Một giấy phép lái xe và một giấy chứng minh nhân dân mang tên Lò Văn G.

Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn L trình bày lời bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là người dân tộc thiểu số, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng chính sách của người chưa thành niên phạm tội.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn S trình bày lời bào chữa, nhất trí như lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát , đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Lò Văn S được hưởng mức án thấp nhất.

Lời nói sau cùng của các bị cáo tỏ thái độ ăn năn về hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định: Trong các ngày, ngày 12/11/2019, ngày 18/11/2019, ngày 22/11/2019 và ngày 23/11/2019, các bị cáo Lò Văn L, bị cáo Lò Văn G đã 5 lần rủ nhau góp tiền mua trái phép 99 viên ma túy, loại Methamphetamine của một người đàn ông tên là T với giá tiền 4.000.000 đồng. Các bị cáo mua về với mục đích sử dụng và bán lại cho các đối tượng sử dụng chất ma túy để kiếm lời. Hai bị cáo đã bán cho Lò Văn S 04 lần với

27 viên ma túy, loại Methamphetamine với giá 2.270.000 đồng. Cụ thể trong ngày 16/11/2019, bị cáo Lò Văn G đã bán ma túy cho bị cáo Lò Văn S 02 lần là 06 viên ma túy, loại Methamphetamine thu 600.000 đồng. lần thứ ba vào ngày 20/11/2019, bị cáo Lò Văn L đã bán 15 viên ma túy, loại Methamphetamine cho Lò Văn S với số tiền 1.200.000 đồng. Số ma túy mua được trên bị cáo Lò Văn S mang về nhà đã sử dụng hết. Lần thứ tư vào ngày 23/11/2019, bị cáo Lò Văn L đã bán cho bị cáo Lò Văn S 06 viên ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng với giá 470.000 đồng. Bị cáo Lò Văn S trên đường về thì bị cơ quan điều tra phát hiện, bắt quả tang thu giữ vật chứng 06 viên ma túy. Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp, thu giữ trên người bị cáo Lò Văn L 63 viên ma túy. Số ma túy còn lại hai bị cáo Lò Văn G, bị cáo Lò Văn L khai đã sử dụng và bán cho các đối tượng khác các bị cáo không biết tên, tuổi địa chỉ. Kết quả giám định chất ma túy thu giữ của bị cáo Lò Văn S là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,53 gam. Kết quả giám định chất ma túy thu giữ của bị cáo Lò Văn L là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 5,67 gam; tổng khối lượng ma túy thu giữ là 6,20 gam, loại Methamphetamine. Quá trình điều tra và tại phiên tòa lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Động cơ, mục đích mua về cất giấu trái phép Methamphetamine để sử dụng, bán kiếm lời. Bản thân các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của việc Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy, nhưng các bị cáo cố ý thực hiện tội phạm. Trên cơ sở đó đủ điều kiện căn cứ kết luận hành vi của hai bị cáo Lò Văn G, Lò Văn L đã phạm vào tội: Mua bán trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lò Văn S đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ. Việc xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Với khối lượng 6,20 gam Methamphetamine của hai bị cáo Lò Văn G, Lò Văn L mua về chia lẻ bán nhiều lần cho đối tượng nghiện ma túy, là những tình tiết tăng nặng định khung hình phạt có mức phạt tù từ 7 năm đến 15 năm tù, quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lò Văn S Tàng trữ trái phép chất ma túy với khối lượng 0,53 gam được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự có mức hình phạt tù từ 1 năm đến 5 năm tù.

Xét về vai trò phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án bị cáo Lò Văn L là người khởi xướng và rủ bị cáo Lò Văn G góp tiền mua ma túy về, cùng bán cho đối tượng nghiện kiếm lời. Bị cáo Lò Văn G là người góp tiền mua ma túy và là người giữ tiền khi bán được ma túy và là người cùng bán ma túy. Số tiền kiếm được hai bị cáo L, G cùng nhau tiêu sài hưởng thụ. Giữa hai bị cáo không có sự tổ chức, phân công, câu kết chặt chẽ, đều là người thực hành tích cực thực hiện tội phạm.

Song khi phạm tội bị cáo Lò Văn L là người chưa thành niên là người chưa đến tuổi trưởng thành, nhận thức chưa đầy đủ. Bị cáo Lò Văn G là người đã thành niên, do đó mặc dù bị cáo Lò Văn L là người rủ rê khởi sự, nhưng bị cáo Lò Văn G phải chịu trách nhiệm lớn trong vai trò đồng phạm. Vì vậy, cần vận dụng Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo. Riêng bị cáo Lò Văn S phạm tội độc lập về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Lò Văn S khai báo giúp Cơ quan điều tra, điều tra phát hiện tội phạm, cụ thể: khai báo ra hành vi phạm tội của bị cáo Lò Văn L, bị cáo Lò Văn G. Ngoài ra nhân thân các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, nhận thức và am hiểu pháp luật có phần hạn chế. Bị cáo Lò Văn L có ông nội là ông Lò Văn Đ là thương binh, được tặng thưởng nhiều huân huy chương kháng chiến. Bị cáo Lò Văn G có ông nội là Lò Văn Y, ông ngoại là Điều Chính N được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương. Vì vậy hai bị cáo Lò Văn G, Lò Văn L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo Lò Văn S được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hai bị cáo Lò Văn S, Lò Văn L Phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi. Thời điểm phạm tội bị cáo Lò Văn S mới 16 tuổi, 4 tháng 26 ngày tuổi. bị cáo Lò Văn L khi phạm tội mới 17 tuổi 10 tháng 24 ngày tuổi. Cần áp dụng Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với hai bị cáo Lò Văn L, Lò Văn S.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo là những đối tượng nghiện ma túy. Phạm tội rất nghiêm trọng, cần áp dụng một mức hình phạt, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo. Đồng thời cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội, đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm tại địa phương.

[4] Hai bị cáo Lò Văn G, Lò Văn L đang bị tạm giam cần tiếp tục tạm giam theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Thời gian tạm giam được tính vào thời gian thụ hình. Bị cáo Lò Văn S bị tạm giữ từ ngày 23/11/2019 đến ngày 02/12/2019 được tại ngoại. Thời gian tạm giữ được khấu trừ vào thời gian thụ hình. Thời gian thụ hình được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249; khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”. Nên các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo Lò Văn G

làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Hai bị cáo Lò Văn L, Lò Văn S là người chưa thành niên phạm tội nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lục, bị cáo Sơn

[6] Về các vấn đề khác: Đối với người đàn ông tên T, là người đã bán ma túy cho G và L, nhưng hai bị cáo không biết chính xác họ tên, nơi cư trú của T. Cơ quan điều tra Công an huyện Y đã tổ chức xác minh nhưng không xác định được nhân thân. Đối với số điện thoại di động 0961.967.889 theo L và G khai là của T sử dụng, Cơ quan điều tra đã yêu cầu Chi nhánh VIETTEL Sơn La cung cấp các thông tin liên quan đến số thuê bao 0961.967.889, nhưng đến nay Chi nhánh Viettel Sơn La chưa trả lời. Nên cơ quan điều tra đã tách ra để điều tra xử lý sau.

Đối với hành vi bị cáo Lò Văn L khai nhận vào các ngày 12/11/2019 và 18/11/2019 đã bán 07 viên Methamphetamine với giá 700.000 đồng cho hai đối tượng nghiện ma túy. Việc mua bán ở trên đường, bị cáo Lò Văn L không biết tên, tuổi, nơi cư trú, không xác định được biển số xe các đối tượng sử dụng để đi mua ma túy. Chỉ có một lời khai duy nhất của bị cáo, ngoài ra không có chứng cứ nào khác, do vậy không có căn cứ để xác minh làm rõ.

[7] Về vật chứng: Đối với một phong bì thư niêm phong bên trong có chứa vật chứng gồm: Mẫu S = 0,26g; L = 5,23g qua giám định xác định là Methamphetamine là loại Nhà nước cấm lưu hành; hai phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 mảnh giấy màu vàng; 01 mảnh giấy bạc; 01 túi nilon màu xanh số vật chứng này không còn giá trị sử dụng cần tiêu hủy.

Đối với hai chiếc điện thoại, một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71, vỏ màu đen, bên trong có sim điện thoại có số thuê bao 0364.277.502, đã sử dụng, thu giữ khi bắt quả tang Lò Văn S và một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, vỏ màu vàng, bên trong có sim điện thoại có số thuê bao 0961.773.559 Lò Văn G là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 2.270.000 đồng là tiền bán ma túy cho Lò Văn S mà có được, xét đây là tiền các bị cáo Lò Văn G, Lò Văn L do phạm tội mà có, các bị cáo đã tiêu sài hết cần truy thu tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. phần mỗi bị cáo phải nộp là 1.135.000 đồng.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream, màu sơn nâu, BKS: 26B1 – 438.50, số máy: 1504791, xe cũ đã qua sử dụng. Điều tra, xác định chiếc xe máy trên là tài sản của Lò Văn K là bố đẻ của bị cáo Lò Văn S. Bị cáo Lò Văn S đã tự ý lấy xe máy đi mua ma túy, ông Lò Văn K không biết. Lò Văn K có đơn xin lại xe máy. Ngày 20/12/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả xe cho Lò Văn K.

Đối với số giấy tờ gồm: Một giấy phép lái xe hạng A1 số 140179005623 do sở Giao thông vận tải Sơn La cấp ngày 08/8/2017 mang tên Lò Văn G và một giấy chứng minh nhân dân số: 051062055 do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 20/5/2015, mang tên Lò Văn G. Xét đây là giấy tờ tùy thân cần trả lại cho bị cáo Lò Văn G.

[8] Về án phí: Các bị cáo không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí. Do đó phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lò Văn G phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lò Văn L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm t, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lò Văn S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Xử phạt bị cáo Lò Văn G 07 năm (bảy năm) 06 tháng (sáu tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/11/2019 là ngày bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Lò Văn L 06 năm (sáu năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2019 là ngày bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Lò Văn S 12 tháng (mười hai tháng) tù. Được khấu trừ 10 ngày (mười ngày) tạm giữ (từ ngày 23/11/2019 – 02/12/2019). Bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 11 tháng (mười một tháng) 20 ngày (hai mươi ngày) tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1 khoản 2 điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy một phong bì thư niêm phong, bên trong có chứa vật chứng gồm: mẫu S = 0,26g; L = 5,23g ; hai phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 mảnh giấy màu vàng; 01 mảnh giấy bạc; 01 túi nilon màu xanh.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước hai chiếc điện thoại cụ thể: Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71, vỏ màu đen, bên trong có sim điện thoại có số thuê bao 0364.277.502, đã sử dụng của Lò Văn S và một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, vỏ màu vàng, bên trong có sim điện thoại có số thuê bao 0961.773.559 của Lò Văn G.

Truy thu tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.270.000 đồng (hai triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng). Trong đó phần của mỗi bị cáo Lò Văn G, bị cáo Lò Văn L mỗi bị cáo phải nộp là 1.135.000 đồng (một triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Trả lại cho bị cáo Lò Văn G số vật chứng gồm: Một giấy phép lái xe hạng A1 số 140179005623 do sở Giao thông vận tải Sơn La cấp ngày 08/8/2017 mang

tên Lò Văn G và một giấy chứng minh nhân dân số: 051062055 do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 20/5/2015, mang tên Lò Văn G.

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lò Văn G, Lò Văn L, Lò Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Báo cho các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Lò Văn S biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Y;
- THADS huyện Y;
- Trại giam;
- THAHS;
- Bị cáo;
- Người bào chữa ;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Văn Tùng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Luân

Đỗ Tiến Hiệt

Thái Văn Tùng

